|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ TỪ SƠN**  Số: 89/KH-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Từ Sơn, ngày 05 tháng 8 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022**

**của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình**

**Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Từ Sơn.**

Thực hiện Kế hoạch 387/KH-UBND ngày 22/7/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”. UBND thành phố Từ Sơn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố (sau đây gọi là Kế hoạch), cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.**

1. Mục đích.

Làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao nhận thức, hình thành phong trào học tập suốt đời thông qua mô hình “Công dân học tập” nhằm động viên, khuyến khích, tạo cơ hội công bằng, điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình và mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập thường xuyên, suốt đời. Hướng tới công dân số đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia góp phần xây dựng xã hội học tập.

2. Yêu cầu.

- Xác định đầy đủ, cụ thể lộ trình thực hiện, bảo đảm tính khả thi các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Quyết định 677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội - xã hội nghề nghiệp, các cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động trong hệ thống chính trị, các doanh nghiệp trong việc xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

- Việc thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, linh hoạt, sáng tạo tránh hình thức, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm cơ quan, đơn vị trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về tầm quan trọng của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực tại chỗ thông qua việc thực hiện mô hình “Công dân học tập” đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

**II. MỤC TIÊU.**

1. Mục tiêu chung.

Thúc đẩy việc học tập suốt đời để con người phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả... trên cơ sở hình thành mô hình “Công dân học tập” nhằm khuyến khích, tạo cơ hội công bằng, điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập.

2. Mục tiêu cụ thể.

a) Phấn đấu đến năm 2025.

- 100% cán bộ, hội viên Hội Khuyến học thành phố được học tập quán triệt các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”;

- 50% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập (thôn, làng, khu phố và tương đương), 70% cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và ở cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

- 80% số người đạt danh hiệu “Công dân học tập” đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó 70% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

b) Phấn đấu đến năm 2030.

- Tiếp tục quán triệt đến toàn thể cán bộ, hội viên Hội Khuyến học thành phố để hiểu rõ và triển khai hiệu quả các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”;

- 70% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập (thôn, làng, khu phố và tương đương), 90% cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và ở cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

- 95% những người đạt danh hiệu “Công dân học tập” đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó 85% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

**III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

1. Ban hành Bộ tiêu chí đảm bảo phù hợp với thực tiễn để áp dụng tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 196/KH-KHVN ngày 16/6/2022 của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

a) Nghiên cứu, xây dựng, ban hành những Bộ tiêu chí có chỉ số đo khác nhau cho các nhóm đối tượng là nông dân, công nhân, công chức, viên chức, doanh nhân, cán bộ quản lý để bảo đảm mức độ hợp lý và tính khả thi trong triển khai đại trà chủ trương xây dựng mô hình “Công dân học tập” trên mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống xã hội;

b) Biên soạn và in ấn tài liệu tập huấn, hướng dẫn xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo những Bộ tiêu chí cụ thể.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

a) Tổ chức tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của thành phố và cơ sở;

b) Tổ chức tuyên truyền trong các cơ quan, tổ chức, các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp, lực lượng vũ trang;

c) Phát động phong trào thi đua học tập suốt đời, xây dựng mô hình “Công dân học tập” trong phạm vi toàn thành phố.

3. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời, xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

a) Thực hiện số hóa việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo... việc thực hiện các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo các mục tiêu của Kế hoạch;

b) Xây dựng các dữ liệu thông tin điện tử giúp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao hiểu biết cho cán bộ hội, hội viên khuyến học và người dân về các nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng các mô hình học tập, nhằm tạo sự chuyển biến về chất việc ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch và đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài trên phạm vi toàn thành phố;

c) Tăng cường giao lưu trong lĩnh vực xây dựng xã hội học tập, “Công dân học tập” gắn với phát triển công nghệ số.

4. Triển khai công tác tập huấn, sơ kết, tổng kết, hội thảo, khảo sát, điều tra, đánh giá việc xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo chuyên đề.

a) Tổ chức các hội nghị, tập huấn quán triệt Kế hoạch, đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản chỉ đạo khác của Đảng và Chính phủ liên quan đến đổi mới giáo dục, đào tạo, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; tập huấn triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” cho những đối tượng trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau, phù hợp với trình độ học vấn và đặc điểm nghề nghiệp;

b) Xây dựng quy trình, tổ chức kiểm tra, đánh giá công nhận danh hiệu “Công dân học tập” trên phạm vi toàn thành phố: Xây dựng mẫu đánh giá, công nhận các danh hiệu; tài liệu hướng dẫn quy trình đánh giá, công nhận các danh hiệu; tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu;

c) Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động thúc đẩy học tập suốt đời;

d) Tổ chức Hội nghị sơ kết việc triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” hàng năm và tiến tới Đại hội biểu dương các cá nhân xuất sắc trong phong trào thi đua, đạt danh hiệu “Công dân học tập” tiêu biểu tỉnh vào quý II năm 2026; Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Kế hoạch vào quý II năm 2030.

5. Huy động nguồn lực xã hội hóa nhằm tăng cường sự đóng góp của cộng đồng trong việc thúc đẩy phong trào học tập suốt đời, nhân rộng mô hình “Công dân học tập”, góp phần xây dựng xã hội học tập.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công được cấp cho Hội theo quy định, nguồn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao, hàng năm Hội khuyến học các cấp lập dự toán kinh phí và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động của Hội, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Các địa phương có trách nhiệm cân đối ngân sách, bố trí kinh phí hàng năm thực hiện các công việc liên quan đến triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Hội Khuyến học thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Hội Khuyến học các phường xây dựng chương trình và triển khai Kế hoạch ở địa phương;

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện Kế hoạch của các địa phương trong thành phố; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND thành phố.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo.

a) Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học thành phố trong việc tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”.

b) Phối hợp với Hội Khuyến học thành phố trong việc tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”.

3. Phòng Thông tin và Truyền thông.

- Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trung ương, địa phương và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền về mô hình “Công dân học tập”;

4. Phòng Tài chính.

Hàng năm, căn cứ vào chế độ, chính sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát các nội dung hoạt động của Kế hoạch, tổng hợp dự toán trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện, theo quy định về phân cấp ngân sách của Luật NSNN và các quy định hiện hành khác.

5. Phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch với quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án khác liên quan đến phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

6. Các Phòng, cơ quan, ban, ngành thành phố.

Phối hợp với Hội Khuyến học thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Kế hoạch và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc sở có trách nhiệm cung ứng các chương trình học tập suốt đời và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị được học tập suốt đời, phấn đấu trở thành “Công dân học tập”; coi đây là một trong các chỉ tiêu thi đua, đánh giá xếp loại lao động hàng năm.

7. Ủy ban nhân dân các phường.

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện, có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch; chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức ở địa phương phối hợp với Hội Khuyến học trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch;

b) Chỉ đạo hệ thống đài truyền thanh cơ sở xây dựng chuyên mục tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập trong đó có tuyên truyền về mô hình “Công dân học tập”;

c) Chỉ đạo các Chi Hội khuyến học, Ban Khuyến học tổ chức đánh giá và lập danh sách những cá nhân đạt tiêu chí “Công dân học tập” trình UBND phường thẩm định và công nhận kết quả.

8. Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy.

Chỉ đạo, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học thành phố và các Phòng, ban, ngành liên quan trong việc định hướng tuyên truyền, động viên triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, nhất là việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên gương mẫu tham gia xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội-nghề nghiệp và các tổ chức xã hội trong thành phố.

a) Chỉ đạo, khuyến khích các tổ chức thành viên phát động các cuộc vận động, các phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và mô hình “Công dân học tập” sâu rộng trong toàn thành phố; gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác đảm bảo thiết thực, tránh hình thức;

b) Tích cực phối hợp với các Phòng, ban, ngành và các tổ chức liên quan tham gia giám sát, phản biện xã hội việc triển khai thực hiện Kế hoạch;

c) Phối hợp với Hội Khuyến học thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên thuộc cơ quan, tổ chức của mình được học tập thường xuyên, học suốt đời để đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Từ Sơn, đề nghị các Phòng, cơ quan, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng UBND tỉnh (b/c);  - Tỉnh Hội Khuyến học (b/c);  - TTTU, TT HĐND thành phố (b/c);  - Chủ tịch, các PCT UBND thành phố  - VP thành ủy; VP HĐND thành phố  - Ủy ban MTTQ TP; Ban Tuyên giáo thành ủy; Ban Dân vận thành ủy;  - Các Phòng, cơ quan ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp thành phố;  - Đài PT&TH thành phố; Cổng Thông tin điện tử thành phố;  - UBND các phường;  - Lưu: VT, KGVX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Mạnh Cường** |

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 387/KH-UBND*

*ngày 22 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

**I. BỘ TIÊU CHÍ KHUNG VÀ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH “CÔNG DÂN HỌC TẬP”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí khung** | **Chỉ số đánh giá**  (*các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn*) | **Điểm** |
| **I.**  **Năng lực tự học, học tập suốt đời** | 1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân. | 10 |
| 2. Kỹ năng sắp xếp/xây dựng kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc do nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định. | 10 |
| 3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị. | 10 |
| 4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên. | 10 |
| **II.**  **Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc** | 5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống. | 10 |
| 6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận. | 10 |
| 7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho xã hội. | 10 |
| 8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội. | 10 |
| **III.**  **Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội** | 9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật. | 10 |
| 10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường. | 10 |
| ***Tổng điểm tối đa*** | ***100*** |

**II. Tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” áp dụng cho các nhóm đối tượng người lao động thuộc 3 khu vực:**

**Nhóm 1. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập**

*(Dùng cho nông dân và lao động nông thôn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  *(Năng lực cốt lõi)* | **Chỉ số đánh giá**  *(Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)* | **Điểm** |
| **(I)**  **Năng lực tự học,**  **Học tập suốt đời** | 1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động… | 10 |
| 2. Biết xây dựng kế hoạch học tập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề, ... để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn. | 10 |
| 3. Xây dựng và sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã. | 10 |
| 4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, láng giềng học tập thường xuyên. | 10 |
| **(II)**  **Năng lực sử dụng công cụ học tập,**  **làm việc** | 5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, buôn bán, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả (Thương mại điện tử). | 10 |
| 6. Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, xã giao, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm – gia súc, hoặc các quy tắc an toàn... trong cuộc sống. | 10 |
| 7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình. | 10 |
| 8. Biết tính toán, suy nghĩ, xem xét một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện. | 10 |
| **(III)**  **Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội** | 9. Thân thiện, hòa đồng với người xung quanh; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội. | 10 |
| 10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường. | 10 |
| **Tổng cộng** | | **100** |

**Nhóm 2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập**

*(Dùng cho công nhân, lao động tiểu thủ công, thợ sủa chữa thiết bị gia dụng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  *(Năng lực cốt lõi)* | **Chỉ số đánh giá**  *(Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)* | **Điểm** |
| **(I)**  **Năng lực tự học,**  **Học tập suốt đời** | 1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động. | 10 |
| 2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của công đoàn, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học…. | 10 |
| 3. Sắp xếp công việc, lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động thi đua tại cộng đồng. | 10 |
| 4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức chuyên môn. | 10 |
| **(II)**  **Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc** | 5. Sử dụng tốt máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị số để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, phát triển tay nghề. | 10 |
| 6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất, đọc bản hướng dẫn về kỹ thuật…. | 10 |
| 7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc, cải tiến kỹ thuật, nâng cao định mức lao động, tiến bộ về tay nghề. | 10 |
| 8. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu. | 10 |
| **(III)**  **Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội** | 9. Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và xã hội. | 10 |
| 10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể cơ quan, đơn vị; giúp đỡ đồng nghiệp gặp khó, tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường. | 10 |
| **Tổng cộng** | | **100** |

**Nhóm 3. Tiêu chí đánh giá công nhận công dân học tập**

*(Dùng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp...)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  *(Năng lực cốt lõi)* | **Chỉ số đánh giá**  *(Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)* | **Điểm** |
| **(I)**  **Năng lực tự học,**  **Học tập suốt đời** | 1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh. | 10 |
| 2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định. | 10 |
| 3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của mình. | 10 |
| 4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và cho đồng nghiệp học tập thường xuyên. | 10 |
| **(II)**  **Năng lực sử dụng công cụ học tập,**  **làm việc** | 5. Kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán điện tử, sử dụng các dịch vụ trực tuyến. | 10 |
| 6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí đảm nhiệm, ứng xử có văn hóa với người khác, tôn trọng nhân cách con người, thể hiện đạo đức công dân khi giao lưu trên mạng. | 10 |
| 7. Kỹ năng tính toán thu xếp công việc một cách hợp lý, lao động có khoa học, cải tiến kỹ thuật, công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... | 10 |
| 8. Kỹ năng tư duy biện chứng, tư duy phản biện trong lao động, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội. Bảo vệ quyền lợi quốc gia và giữ an ninh mạng | 10 |
| **(III)**  **Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội** | 9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật. | 10 |
| 10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường. | 10 |
| **Tổng cộng** | | **100** |

**III. Quy trình thu thập minh chứng, đánh giá, cho điểm:**

- Những người tự nguyện tham gia xây dựng mô hình công dân học tập (CDHT) sẽ đăng ký theo mẫu (mục IV, phụ lục);

­- Đánh giá “Công dân học tập” bằng hình thức cho điểm;Mỗi chỉ số đánh giá cho điểm từ 1 đến 10, tổng điểm tối đa của 10 chỉ số sẽ là 100;

- Những người đạt từ 80 điểm trở lên (riêng đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đạt từ 70 điểm trở lên), trong đó không có chỉ số nào đạt điểm dưới 5 được công nhận là “Công dân học tập”; những người đạt danh hiệu CDHT 5 năm liền được ghi nhận là CDHT tiêu biểu;

- Cá nhân tự kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm tự đánh giá theo mẫu, gửi hồ sơ cho Ban/Chi hội khuyến học của đơn vị/địa phương để được xem xét, tập hợp và báo cáo Hội Khuyến học cấp xã;

- Hàng năm, Hội Khuyến học cấp xã tổng hợp hồ sơ, trình UBND cùng cấp xem xét, công nhận Danh hiệu Công dân học tập theo quy định tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021-2030”.

**IV. Mẫu đăng ký phấn đấu trở thành “Công dân học tập”.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ THAM GIA XÂY DỰNG MÔ HÌNH**

**“CÔNG DÂN HỌC TẬP”**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên**  *Điện thoại* | **Ngày sinh** | | **Dân tộc** | **Đơn vị** | **Địa chỉ** | **Giai đoạn** |
| **Nam** | **Nữ** |
| ... | .............................. | ......... | ......... | .......... | ..................... | ...................... | .................. |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

*Tôi tự nguyện phấn đấu, học tập để trở thành “Công dân học tập” theo Bộ tiêu chí gồm 3 năng lực cốt lõi và 10 chỉ số đánh giá như hướng dẫn.*

*......., ngày .... tháng ...... năm ………*

*Ký tên*

**V. Mẫu kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm CDHT** *(gửi kèm theo).*

UBND và Hội Khuyến học cơ sở căn cứ vào mẫu này để xây dựng chi tiết **Bản tự kê khai** cho các cá nhân sử dụng phù hợp với từng nhóm đối tượng người lao động và đặc điểm của địa phương.

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN***(xã, phường, thị trấn)*…  **HỘI KHUYẾN HỌC…..** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*………………, ngày …. tháng …. năm ………*

**BẢN TỰ KÊ KHAI, XÁC ĐỊNH MINH CHỨNG, ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM**

**theo các tiêu chí, chỉ số đánh giá “Công dân học tập”**

Họ và tên:…………………………………. Năm sinh:……..…….…Nam, nữ:…..…… Dân tộc:……..……. Tôn giáo:…………………….

Điện thoại:………….………., email:…………………………. Số CCCD:………………………, Nghề nghiệp:………….………………...

Trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ:……………………………………………………………………………………………………...

Địa chỉ cơ quan, hoặc nơi ở:…………………………………………………………………………………………………………………….;

*(Lưu ý: Nghiên cứu kỹ các chỉ số, tự đánh giá bản thân theo mức độ đạt được của các minh chứng; nếu có văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ xác nhận công việc... thì sao nộp cùng; chỉ cho điểm vào 1 trong 4 ô tương ứng theo đánh giá mức độ hoàn thành của cá nhân).*

*Dưới đây là* ***10 Chỉ số khung*** *dành cho tất cả mọi người nhằm hỗ trợ cách đánh giá, cho điểm… tùy mức độ tham gia, đạt được của bản thân (theo 4 mức độ từ không đến có, từ biết đến hiểu và làm được, từ chưa biết đến thành thạo). Khi đánh giá, cá nhân so sánh kỹ với* ***Bảng tiêu chí dành riêng*** *cho từng nhóm người lao động để tự cho điểm bản thân sao cho phù hợp (tạm thời theo 3 nhóm: Nông dân, Công nhân, Trí thức);*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÁ NHÂN TỰ ĐÁNH GIÁ THEO 4 MỨC** | | **MỨC 1**  **Chưa đạt:**  không làm, không biết, biết ít  **0-4 điểm** | **MỨC 2**  **Đang phấn đấu:** có biết, có làm, làm được ít  **5-6 điểm** | **MỨC 3**  **Đạt:** có biết có làm đều, khá thành thạo  **7-8 điểm** | **MỨC 4**  **Xuất sắc:**  vận dụng vào công việc và sáng tạo  **9-10 điểm** |
| **Tiêu chí** | **Chỉ số đánh giá theo minh chứng / Mức độ hoàn thành tiêu chí CDHT** *(chưa đạt, đang phấn đấu, đạt, xuất sắc)* |
| **I**  **Năng lực tự học, học tập suốt đời**  (*tổng số 40 điểm*) | **1. Đọc sách báo, cập nhật những thông tin và tri thức trên tivi, máy tính, điện thoại di động…(10 điểm)**  *- Không đọc sách, báo; không theo dõi cập nhật tin tức…; không biết sử dụng các thiết bị thông minh; chỉ xem thời sự, tin tức trên tivi nhưng không thường xuyên –* ***Mức 1***  *- Có đọc 1 cuốn sách/năm; có theo dõi tin tức trên tivi, báo, tạp chí; không biết sử dụng các chức năng của điện thoại thông minh… -* ***Mức 2***  *- Đọc 2 cuốn sách/năm; theo dõi hàng ngày tin tức trên tivi, báo, tạp chí; biết xem thông tin trên điện thoại thông minh… -* ***Mức 3***  *- Đọc từ 3 cuốn sách/năm trở lên; sử dụng thành thạo máy tính, điện thoại thông minh, áp dụng vào công việc hàng ngày…* ***Mức 4*** |  |  |  |  |
| **2. Xây dựng kế hoạch học tập (KHHT) theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc tại TTHTCĐ, hoặc do nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị hay đoàn thể quy định … (10 điểm)**  *- Không có KHHT nhưng thỉnh thoảng có tham gia khóa học... –* ***mức 1****;*  *- Có xây dựng KHHT ngắn hạnvà theo khóa học 3,6,9 tháng –* ***mức 2****;*  *- Có KHHT ngắn hạn hoặc dài hạn (1 năm trở lên) và cơ bản hoàn thành việc học tập theo KH đã định –* ***mức 3****;*  *- Có đủ KHHT ngắn hạn, dài hạn và hoàn thànhtốt, vượt mức –* ***mức 4*** |  |  |  |  |
| **3. Sắp xếp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia các hoạt động chung ở cộng đồng, tại nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện..., các hội thảo, hội nghị… (10 điểm)**  *- Không sắp xếp, thỉnh thoảng mới tham gia hoạt động ở cộng đồng–* ***mức 1;*** *- Có sắp xếp, có thời gian biểu trong ngày…và tham gia tương đối đầy đủ –* ***mức 2***  *- Có sắp xếp, có thời gian biểu và tham gia đầy đủ các hoạt động tại cộng đồng, nhà văn hóa, CLB, thư viện, các hội nghị, hội thảo,…–* ***mức 3***  *- Thực hiện tốt thời gian biểu đã xây dựng, tích cực và gương mẫu tham gia các hoạt động cộng đồng… –* ***mức 4****.* |  |  |  |  |
| **4. Động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và cho đồng nghiệp học tập thường xuyên… (10 điểm)**  *- Có quan tâm nhưng không tạo điều kiện…–****mức 1***  - *Có quan tâm, có tạo điều kiện nhưng chưa tích cực động viên, kiểm tra việc thực hiện của các thành viên… –****mức 2***  *- Tạo điều kiện, động viên được toàn thể thành viên gia đình (hoặc đồng nghiệp) cùng tham gia học tập, bám sát theo KH đã định…–* ***mức 3***  *- Có chương trình, KH đượctoàn thể thành viên gia đình (hoặc đồng nghiệp) hưởng ứng, cùng tham gia tích cực, học tập thường xuyên,… (nếu có văn bằng, chứng chỉthì nộp làm minh chứng) –* ***mức 4*** |  |  |  |  |
| **II**  **Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc***(tổng số 40 điểm)* | **5. Sử dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống… (10 điểm)**  *- Cá nhân hoặc trong gia đình có các thiết bịmáy vi tính, laptop, điện thoại di động hoặc thiết bị khác…, nhưng chỉ biết sử dụng điện thoại di động để gọi, nhắn tin–* ***mức 1***  *- Biết sử dụng máy vi tính, điện thoại di động trong cuộc sống hàng ngày… –* ***mức 2***  *- Biết sử dụng các thiết bị công nghệ, áp dụng trong xử lý công việc hàng ngày (cá nhân hay cơ quan) một cách hiệu quả… –****mức 3***  *- Sử dụng thành thạo các thiết bị công nghệ vào xử lý hiệu quả công việc hàng ngày,… hoặc có* ***Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản*** *(theo quy định)… –* ***mức 4*** |  |  |  |  |
| **6. Sử dụng ngoại ngữ (NN) theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận… (10 điểm)**  *- Không biết ngoại ngữ gì hoặc chỉ biết chào, hỏi và không sử dụng thường xuyên… –* ***mức 1***  *- Có biết một số câu thông dụng, hay tiếng dân tộc thiểu số, đọc được chỉ dẫn trên các sản phẩm nước ngoài… nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu công việc –****mức 2***  *- Có thể sử dụng NN, hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo đúng yêu cầu công việc, theo vị trí đảm nhận (quy định chung)… –* ***mức 3***  *- Có thể sử dụng thành thạo NN, hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo đúng yêu cầu công việc, theo vị trí đảm nhận (quy định chung)… và có Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 (hoặc B1) trở lên… –* ***mức 4*** |  |  |  |  |
| **7. Biết tính toán, sắp xếp để công việc đang làm luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho xã hội… (10 điểm)**  *- Chỉ biết làm việc theo phân công, làm thuê,không có khả năng làm việc độc lập, năng xuất lao động thấp, đã cố gắng nhưng bản thân và gia đình vẫn thuộc hộ nghèo–****mức 1***  *- Đã tham gia làm việc theo tổ, nhóm không sáng tạo, năng suất lao động thấp… gia đình và bản thân đã thoát nghèo; phân loại LĐ ở mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực… –* ***mức 2***  *- Biết tính toán, sắp xếp hợp lý để công việc hàng ngày (được giao) luôn hoàn thành đúng hạn, có chất lượng, đúng với tiến độ, kế hoạch (KH đã đề ra, đã định) … (đạt lao động tốt, LĐTT) –* ***mức 3***  *- Biết tính toán, sắp xếp hợp lý để luôn chủ động trong công việc, có sáng kiến cải tiến trong công việc được công nhận, có đóng góp nhiều cho xã hội, cộng đồng; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao… –****mức 4*** |  |  |  |  |
| **8. Có tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hoạt động xã hội… (10 điểm)**  Cách đánh giá, cho điểm ở đây có thể áp dụng theo các mức:  *- Không có ý tưởng mới; đã có ý kiến đóng góp vào công việc chung nhưng chưa thuyết phục… –****mức 1***  *- Có một số ý tưởng, suy nghĩ để giải quyết vấn đề, có đóng góp vào hoạt động chung của đơn vị… nhưng chưa đem lại hiệu quả cụ thể trong công việc, cuộc sống–****mức 2***  *- Có ý tưởng tốt trong công việc, cuộc sống, bản thân tích cực nhưng chưa đủ sức thuyết phục người khác làm theo… –****mức 3***  *- Có ý tưởng tốt, tư duy mạch lạc trong công việc, cuộc sống, có khả năng thuyết phục, lôi cuốn người khác hiểu, làm theo…–****mức 4*** |  |  |  |  |
| **III**  **Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội***(tổng số 20 điểm)* | **9. Xây dựng các mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Tuân thủ pháp luật tốt… (10 điểm)**  *- Có cuộc sống khép kín, ngại va chạm, ít hòa đồng với mọi người, thiếu trách nhiệm với gia đình, cộng đồng… –****mức 1***  *- Có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân, không vi phạm pháp luật… nhưng ngại va chạm, ít quan tâm, hoặc íttham gia các hoạt động xã hội do địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức…–****mức 2***  *- Tuân thủ pháp luật, sống thân thiện, mật thiết, hòa đồng với mọi người, gia đình đoàn kết hòa thuận; tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội và đoàn thể do địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức… –****mức 3***  *- Sống thân thiện, nhận thức rõ trách nhiệm bản thân, luôn rèn luyện tu dưỡng về lối sống, phẩm chất đạo đức, đặc biệt là tích cực tham gia xây dựng cơ quan, đơn vị, gia đình, cộng đồng thành tập thể đoàn kết, quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Luôn tuân thủ các nội quy, quy chế cơ quan, đơn vị, cộng đồng. Chấp hành tốt pháp luật hiện hành… là thành viên của* ***gia đình học tập*** *và* ***gia đình văn hóa****… –****mức 4*** |  |  |  |  |
| **10. Hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường…(10 điểm)**  *- Không biết làm việc nhóm,íthợp tác, chia sẻ thông tin, chưa tôn trọngbình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa, chưa có ý thức bảo vệ môi trường… –* ***mức 1***  *- Có hợp tác, chia sẻ thông tin;ít tham gia hoạt động xã hội, từ thiện; ít quan tâm đến/hoặc không biết rõ quy định về bình đẳng giới; có ý thức bảo vệ môi trường nhưng không tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường… –****mức 2***  *- Sẵn sàng hợp tác, làm việc nhóm, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ người khác trong công việc; Luôn tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa; có ý thức bảo vệ môi trường, trồng cây xanh; tích cực tham gia công tác xã hội, từ thiện … –****mức 3***  *- Ngoài những phẩm chất, năng lực như mức 3, cá nhân gương mẫu thức đẩy bình đẳng giới trong gia đình, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, gương mẫu tham gia các phong trào làm cho môi trường xanh, sạch, đẹp; tích cực tham gia công tác xã hội, từ thiện…–****mức 4*** |  |  |  |  |
| ***Cá nhân cộng tổng điểm tự đánh giá (cả 4 cột)=*** | |  |  |  |  |
| ***Cơ quan, tổ chức cho điểm =*** | |  |  |  |  |

***Chú giải:***

**Chỉ số 1**: *được hiểu là có đọc sách, báo,… hàng ngày có theo dõi tivi, cập nhật những thông tin và tri thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông...; hoặc có máy tính nối mạng và biết sử dụng máy tính… ; hoặc biết sử dụng các chức năng của điện thoại di động thông minh…*

**Chỉ số 2:***- Việc lập kế hoạch học tập đối với cá nhân là lao động tự do, hay là lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị… là bình đẳng như nhau. (Nộp* ***KHHT*** *để làm minh chứng). - Điểm khuyến khích: Đối với những người tuy không xây dựng KHHT, nhưng vẫn thực hiện, tham gia học tập theo từng khóa cụ thể và có kết quả thì vẫn được đánh giá ở mức 2 đến mức 3.*

**Chỉ số 6**: *Ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đều được cho điểm như nhau; + Nếu công việc đang làm và vị trí công tác đang đảm nhiệm cần phải có ngoại ngữ mà cá nhân không biết ngoại ngữ thì không cho điểm và coi như bị điểm liệt (dưới 5);+ Nếu công việc đang làm và vị trí công tác đang đảm nhiệm chưa cần đến ngoại ngữ và cá nhân chưa biết ngoại ngữ nhưng vẫn có tinh thần học hỏi, ham hiểu biết, mong muốn và quyết tâm sẽ bố trí thời gian để học ngoại ngữ thì khi xếp loại được xem xét, không coi là bị điểm liệt…; + Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam được đánh giá theo 6 bậc. (nộp Chứng chỉ ngoại ngữ để làm minh chứng – nếu có).*

**Chỉ số 10***: Đây là phẩm chất công dân thế kỷ XXI, của một thế giới phát triển, hội nhập, (tiếp cận những kỹ năng quan trọng của công dân toàn cầu); Vì thế cách xác định minh chứng, cho điểm chỉ số này dựa trên cơ sở nhận thức và hành động cá nhân trong các lĩnh vực hoạt động đã nêu.*

***Lưu ý thêm:***

- Những người tự nguyện tham gia xây dựng mô hình CDHT sẽ đăng ký theo mẫu (do Hội Khuyến học cơ sở quy định);

- Đánh giá “Công dân học tập” bằng hình thức cho điểm;

- Mỗi chỉ số đánh giá cho điểm từ 1 đến 10, tổng điểm tối đa của 10 chỉ số sẽ là 100;

- Những người đạt từ **80** điểm trở lên, trong đó không có chỉ số nào đạt điểm dưới 5 được công nhận là “Công dân học tập”; những người đạt danh hiệu CDHT 5 năm liền được ghi nhận là CDHT tiêu biểu xuất sắc;

- Cá nhân tự kê khai, thu thập minh chứng, gửi hồ sơ (**Bản tự kê khai**, kèm theo bản sao “Photocopy” các loại văn bằng, chứng chỉ, bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận các danh hiệu,ý tưởng sáng tạo, đề tài được áp dụng, bằng sáng chế, KH học tập, thời gian biểu… - **nếu có** - để làm minh chứng) cho Hội Khuyến học cơ sở (ở địa phương) xem xét, trình cấp có thẩm quyền công nhận danh hiệu CDHT;

- UBND cấp xã công nhận danh hiệu CDHT cho cá nhân thuộc gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị cấp xã quản lý;

- Các cá nhân đạt danh hiệu CDHT thuộc các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang... do Thủ trưởng cơ quan công nhận; báo cáo Hội Khuyến học cấp trên trực tiếp nơi đơn vị đó đăng ký sinh hoạt (trực thuộc) để tổng hợp, xác nhận;

*Trên cơ sở hướng dẫn này, UBND và Hội Khuyến học các cấp nghiên cứu, xây dựng biểu mẫu chi tiết để áp dụng vào địa phương mình cho phù hợp; kiểm tra và thực hiện các bước triển khai thực hiện Quyết định 677/QĐ-TTg theo Kế hoạch số ..../KH-UBND ngày ..../…/…… của UBND tỉnh Bắc Ninh.*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA HỘI KHUYẾN HỌC CƠ SỞ**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **CÁ NHÂN TỰ ĐÁNH GIÁ**  *Tôi tự nguyện kê khai và cam đoan các nội dung ở trên là chính xác – Yêu cầu sử dụng thông tin cá nhân của tôi đúng quy định của pháp luật.*  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |